

Số: **550** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **28** tháng **5** năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Thương mại tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 15/5/2019;

Theo đề nghị của Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường,

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty Thương mại tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng

Địa chỉ: Xuân Ổ - Võ Cường – Bắc Ninh

Mã số thuế: 2300240415

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Vật liệu và kiểm định

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Xuân Ổ - Võ Cường – Bắc Ninh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 288**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế Quyết định số 596/QĐ-BXD ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD 288./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Thương mại tư vấn đầu tư và kiểm định xây dựng;
- SXD tỉnh Bắc Ninh;
- TT Thông tin (*website*);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**\*Vũ Ngọc Anh**

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM  
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 288**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng  
số: 550/GCN-BXD ngày 28 tháng 5 năm 2019)

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)	
<b>1</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG</b>		
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; AASHTO T133	
	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011; AASHTO T106	
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; AASHTO T129	
<b>2</b>	<b>THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; ASTM C143	
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993	
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993; ASTM C232	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993	
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993	
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; ASTM C29	
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993	
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; AASHTO T22	
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; AASHTO T97	
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:1993	
	<b>3</b>	<b>THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>	
		Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước		TCVN 7572-4:2006; ASTM C128	
Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn		TCVN 7572-5:2006	
Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng		TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19	
Xác định độ ẩm		TCVN 7572-7 :2006	
Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ		TCVN 7572-8:0606	
Xác định tạp chất hữu cơ		TCVN 7572- 9:2006	
Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc		TCVN 7572-10:2006	
Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn		TCVN 7572-11:2006	
Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)		TCVN 7572-12:2006	
Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn		TCVN 7572-13:2006	
Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa		TCVN 7572-17:2006	

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
	Xác định đương lượng cát ( ES)	AASTHO T176
<b>4</b>	<b>THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định thành phần hạt	22TCN 58:84
	Xác định lượng mất khi nung	22TCN 58:84
	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58:84
	Xác định khối lượng riêng	22TCN 58:84
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:84
	Xác định hệ số háo nước	22TCN 58:84
	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:84
	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:84
<b>5</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG</b>	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
	Thử nghiệm chịu tải của đất ( CBR) – Trong phòng thí nghiệm	AASTHO T176; 22 TCN 332:06
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012; ASTM D2434
	Xác định góc nghỉ tự nhiên của cát	TCVN 8724:12
<b>6</b>	<b>THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN</b>	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014; JIS Z2241:1998
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008; JIS Z2248:2006
	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử kéo bulông	ASTM A370
<b>7</b>	<b>THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA</b>	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D1664
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
<b>8</b>	<b>THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM</b>	
	Xác định độ kim lún ở 25 °C	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài ở 25 °C	TCVN 7496:2005
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hờ Cleveland	TCVN 7498:2005
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
<b>9</b>	<b>THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG</b>	
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06; AASHTO T191
	đo dung trọng, độ ẩm đất bằng phương pháp dao đai	22 TCN 02:71
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Xác định hệ số thấm bằng phương pháp đo nước hồ đào	TCVN 8371:2012
	Kiểm tra không phá hủy mỗi hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:1987 TCVN 6735:2000
<b>10</b>	<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG</b>	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2003
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT(*)
	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2003
<b>11</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
<b>12</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
<b>13</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
<b>14</b>	<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE</b>	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 11893:2017
	Xác định độ nhớt phễu Marsh	TCVN 11893:2017
	Xác định độ pH	TCVN 11893:2017
	Xác định hàm lượng cát	TCVN 11893:2017
<b>15</b>	<b>THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO</b>	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013
	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ chịu mài mòn mất khối lượng bề mặt	TCVN 7744:2013
	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013

**Ghi chú (\*)** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.